Bảo Lãnh Cựu Tù Nhân Cải Tạo Theo Cách Đoàn Tụ

HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL-PRISONERS ASSOCIATION

P.O BOX 5435 ARLINGTON, VA 22205 0635
TELEPHONE

IV # _____

VENL.# _____

I-171 : ___Yes ___No

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYÊN (Last) VAN (Middle) NIÊN (First)

Current Address 220A Yersin Phú cường - Thị xã Thủ dầu một - SÔNG BÉ (V.N)

Date of Birth Dec 11th 1946 Place of Birth Rạch giá

Previous Occupation(before 1975) Captain - Tank troop commander
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates : From March 26th 75 To June 21st 1981

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name

_____
Address & Telephone

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone	Relationship

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Date Prepared: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : NGUYỄN VĂN NIÊN
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
TRẦN THỊ LANG	May 18th 1949	wife
NGUYỄN THỊ NGỌC NGỌC	March 16th 1970	daughter
NGUYỄN THỊ THUỲ LINH	Apr. 12th 1973	daughter

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

Hai mẫu đơn này sau khi được hoàn tất, xin gởi chung cả hai mẫu về địa chỉ của:

HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
P.O. BOX 5435
Arlington, VA 22205-0635

Nếu có thắc mắc, xin viết thơ về địa chỉ trên hoặc gọi điện thoại số (Bà Thợ)

Bảo Lãnh Cựu Tù Nhân Cải Tạo Theo Cách Đoàn Tụ

HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL-PRISONERS ASSOCIATION

P.O BOX 5435 ARLINGTON, VA 22205 0635
TELEPHONE

IV # _____
VEWL.# _____
I-171 : ___Yes ___No

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYÊN (Last) VAN (Middle) NIÊN (First)

Current Address 220A Yersin - Phú cường - Thị xã Thủ dầu một - Sông Bé (V.N)

Date of Birth Dec - 11th - 1946 Place of Birth Rach gia

Previous Occupation(before 1975) Captain - Tank troop commander
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates : From March 26th 75 To June 21st 1981

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name

_____
Address & Telephone

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone	Relationship

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Date Prepared: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : NGUYEN VAN NIEN
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
TRAN THI LANG	May 18th 1949	Wife
NGUYEN THI MY NGOC	March 16th 1970	daughter
NGUYEN THI THUY LINH	Apr. 12th 1973	daughter

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

Hai mẫu đơn này sau khi được hoàn tất, xin gởi chung cả hai mẫu về địa chỉ của:

HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
P.O. BOX 5435
Arlington, VA 22205-0635

Nếu có thắc mắc, xin viết thơ về địa chỉ trên hoặc gọi điện thoại số (Bà Thọ)

HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM

FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P O BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE

INTAKE FORM (Two Copies)
MAU DON VE LY-LICH
****

NAME (Ten Tu-nhan) : NGUYEN (AN) | VAN | NIÊN
Last (Ten Ho) | Middle (Giua) | First (Ten goi)

DATE, PLACE OF BIRTH (Nam, noi sinh) : December | 11th | 1946
Month (Thang) | Day (Ngay) | Year (Nam)

SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): Male Female (Nu): _____

MARITAL STATUS (Tinh trang gia dinh): Single (Doc than): ____ Married (Co lap gia dinh): M

ADDRESS IN VIETNAM (Dia chi tai Viet-Nam) : 220 A Yersin - Phú cường
Thị xã Thủ dầu một SÔNG BÉ - VIỆT NAM

POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) Yes No (Khong) _____
If Yes (Neu co): From (Tu): March 26th 75 To (Den): June 21st 1981

PLACE OF RE-EDUCATION CAMP (Trai tu): Camp. A-30 Tuy hoà - Phú Khánh

PROFESSION (Nghe nghiep): Labor

EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): _____
VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): Captain
VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): Tank troop commander
Date (nam): 1974 - 1975

APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): 1983 and 1987
IV Number (So ho so): _____
No (Khong): _____

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): _____
(Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi ti

MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): 220 A Yersin -
Phú cường - Thị xã Thủ dầu một SÔNG BÉ - VIỆT NAM

NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro):
_____
_____

U.S. CITIZEN (Quoc tich Hoa-Ky): Yes (co): _____ No (Khong): _____

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN): _____

NAME & SIGNATURE: NGUYEN VAN NIÊN
ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
(Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay) _____
_____

DATE:
Month (Thang) | Day (Ngay) | Year (Nam)
February | 23th | 1989

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : NGUYỄN VĂN NIÊN
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
TRẦN THỊ LANG	May - 18th 1949	Wife
NGUYỄN THỊ MỸ NGỌC	March 16th 1970	daughter
Nguyễn THỊ THUỲ LINH	Apr. 12th 1973	daughter

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

Bảo Lãnh Cựu Tù Nhân Cải Tạo

HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ
VIỆT NAM
P.O. BOX 5435
Arlington, VA 22205-0635
Nếu có thắc mắc, xin viết thơ về địa chỉ trên hoặc
gọi điện thoại số (Bà Thọ)

HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION
P O BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE

INTAKE FORM (Two Copies)
MAU DON VE LY-LICH
****

NAME (Ten Tu-nhan) : NGUYÊN VAN NIÊN
Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)

DATE, PLACE OF BIRTH : December 11 1946
(Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): Male Female (Nu): _____

MARITAL STATUS (Tinh trang gia dinh): Single (Doc than): ____ Married (Co lap gia dinh): M.

ADDRESS IN VIETNAM : 220A Yersin Phu cường
(Dia chi tai Viet-Nam) Thi xã Thủ dầu một - SÔNG BÉ - VIỆT NAM

POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) Yes No (Khong) _____

If Yes (Neu co): From (Tu): March 26th 75 To (Den): June 21st 1981

PLACE OF RE-EDUCATION: Camp A-30 Tuy hoà Phu Khanh
CAMP (Trai tu)

PROFESSION (Nghe nghiep): labor

EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): _____
VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): Captain
VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): tank troop commander
Date (nam): 1974-1975

APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): 1983 and 1987
IV Number (So ho so): _____
No (Khong): _____

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): _____
(Ten than nhan thep tung) Xin ghi ben sau voi day du chi ti

MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): 220A Yersin
Phu cường - Thi xã Thủ dầu một - SÔNG BÉ VIỆT NAM

NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro):

U.S. CITIZEN (Quoc tich Hoa-Ky): Yes (co): _____ No (Khong): _____

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN): _____

NAME & SIGNATURE: NGUYEN VAN NIEN
ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
(Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay) _____

DATE:
Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)
February 23th 1989

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : NGUYỄN VĂN NIÊN
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
TRẦN THỊ LANG	May 18th 1949	wife
NGUYỄN THỊ MỸ NGỌC	March 16th 1970	daughter
NGUYỄN THỊ THUỲ LINH	Apr. 12th 1973	daughter

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

Bảo Lãnh Cựu Tù Nhân Cải Tạo

HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ
VIỆT NAM
P.O. BOX 5435
Arlington, VA 22205-0635
Nếu có thắc mắc, xin viết thơ về địa chỉ trên hoặc
gọi điện thoại số (Bà Thợ)

TỶ CÔNG AN PHÚ KHÁNH
TRẠI CẢI TẠO A.30

Số 433 /GRT

CỘNG HÒ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Đe lập — Tự do — Hạnh phúc

GIẤY RA TRẠI

— Căn cứ chỉ thị số: 316/TTg ngày 23-1977 của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư liên Bộ Nội Vụ — Quốc phòng số: 07/TLB ngày 29-12-1977 về việc xét tha đối tượng là sĩ quan, binh lính và nhân viên ngụy quyền ở các tỉnh phía Nam hiện đang bị TTGDCT do Trại cải tạo A30 Tỷ công an Phú Khánh quản lý

— Căn cứ quyết định số: 929/QĐ - 5.6.1981. Tỷ công an P.Khánh.
Quyết định tha đối tượng chịu cải tạo ra khỏi trại.

1 — Nay cấp giấy ra trại cho anh chị có tên sau đây:

— Họ và tên: Hoquyền Văn Hiền — Bí danh: _____

— Họ tên thường gọi: _____

— Sinh ngày 11 tháng 12 năm 1946

— Sinh quán: 11 Phạm ngũ Lão. Rạch giá.

Trú quán: 220 Yersin, Thủ dầu một, Sông Bé.

— Quốc tịch: Việt nam — Dân tộc: Kinh.

— Tôn giáo: Thiên chúa giáo — Đảng phái: _____

+ Cấp bậc, chức vụ trước khi bị TTCT: Đại úy. Chỉ huy trưởng thuế giáp.

— Ngày bị bắt hoặc TTCT: 26.3.1975.

— Nay về cư trú tại: 220 Yersin, Thủ dầu một, Sông Bé.

2 — Khi về địa phương đương sự phải xuất trình Quyết định này với Ủy ban nhân dân địa phương biết để làm các thủ tục cần thiết: đăng ký hộ khẩu, sắp xếp công việc làm ăn, làm đầy đủ nghĩa vụ người công dân, và phải thi hành lệnh quản chế thời gian 12 tháng.

Phú Khánh, ngày 21 tháng 6 năm 1981

Lăn tay ngón trỏ phải

Danh bản số: _____

Lập tại: _____

Họ, tên, chữ ký người được cấp giấy

Nguyễn Văn Hiền

BAN GIÁM THỊ
Giám thị trưởng

TRẦN [illegible]

Xác nhận.

Thời gian đến trình báo lần đầu 8/1981.

Ngày 9 tháng 10 năm 1981

Trưởng khu

Ký, Kim Thiều.

Ngày 5 tháng 10 năm 1981.

Thủ

Nguyễn Long Thủ

Nơi nhận có thể

Tại Hải Tỉnh chính

30/07/1981

Phan Quốc Đại

Ngày 9 tháng 10 năm 1981

Nhan Quang Chiêng

TỶ CÔNG AN PHÚ KHÁNH
TRẠI CẢI TẠO A.30

Số 433 /GRT

CỘNG HÒ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Đc lập — Tự do — Hạnh phúc

GIẤY RA TRẠI

— Căn cứ chỉ thị số: 316/TTg ngày 23-1977 của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư liên Bộ Nội Vụ — Quốc phòng số: 07/TLB ngày 29-12-1977 về việc xét tha đối tượng là sĩ quan, binh lính và nhân viên ngụy quyền ở các tỉnh phía Nam hiện đang bị TTGDCT do Trại cải tạo A30 Tỷ công an Phú Khánh quản lý

— Căn cứ quyết định số: 929/QĐ- 5.6.1981 Tỷ công an P.Khánh.
Quyết định tha đối tượng chịu cải tạo ra khỏi trại.

1— Nay cấp giấy ra trại cho anh chị có tên sau đây:

— Họ và tên: Nguyễn Văn Hiền — Bí danh: _____

— Họ tên thường gọi: _____

— Sinh ngày 11 tháng 12 năm 1946

— Sinh quán: 11 Phạm ngũ Lão. Rạch giá.

Trú quán: 220 yersin, Thủ dầu một, Sông Bé.

— Quốc tịch: Việt nam — Dân tộc: Kinh.

— Tôn giáo: Thiên chúa giáo — Đảng phái: _____

+ Cấp bậc, chức vụ trước khi bị TTCT: Đại úy. Chỉ huy trưởng thiết giáp.

— Ngày bị bắt hoặc TTCT: 26.3.1975.

— Nay về cư trú tại: 220 yersin, Thủ dầu một, Sông Bé.

2— Khi về địa phương đương sự phải xuất trình Quyết định này với Ủy ban nhân dân địa phương biết để làm các thủ tục cần thiết: đăng ký hộ khẩu, sắp xếp công việc làm ăn, làm đầy đủ nghĩa vụ người công dân, và phải thi hành lệnh quản chế thời gian 12 tháng.

Phú Khánh, ngày 21 tháng 6 năm 1981

Lăn tay ngón trỏ phải

Họ, tên, chữ ký người được cấp giấy

Nguyễn Văn Hiền

BAN GIÁM THỊ
Giám thị trưởng

Danh bản số: _____
Lập tại: _____

Xác nhận
Việc ông Đào Trinh Nhất
Sinh ngày 8 tháng 8 năm 1911.
Hiện ở số nhà 21 phố Hàng Đào
Là Thanh niên tiên tiến năm 1961

Ngày 9 tháng 10 năm 1961
Thay mặt Khối

Xác nhận
Việc ông Đào Trinh Nhất
Sinh ngày 8 tháng 8 năm 1911.
Hiện ở số nhà 21 phố Hàng Đào
Là Thanh niên tiên tiến năm 1961

Ngày 9 tháng 10 năm 1961
Thay mặt Khối

Xác nhận
Việc ông Đào Trinh Nhất
Sinh ngày 8 tháng 8 năm 1911.
Hiện ở số nhà 21 phố Hàng Đào
Là Thanh niên tiên tiến năm 1961

Ngày 5 tháng 10 năm 1961.

THAY ĐỔI CHỖ Ở CẢ HỘ

Chứng nhận đã chuyển đến ở: .... Từ ngày .... tháng ..... năm ..... Ký tên, đóng dấu	Chứng nhận đã chuyển đến ở: .... Từ ngày ..... tháng ..... năm ..... Ký tên, đóng dấu
Chứng nhận đã chuyển đến ở: .... Từ ngày .... tháng ..... năm ..... Ký tên, đóng dấu	Chứng nhận đã chuyển đến ở: .... Từ ngày ..... tháng ..... năm ..... Ký tên, đóng dấu

NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC

NK 4

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ

TỈNH SÔNG BÉ

Số: 00100 CN

Họ và tên chủ hộ: TRẦN-THỊ-LANG

Ấp, ngõ, số nhà: 220 A TỔ 3 KHU 01

Thị trấn, đường phố: .....

Xã, phường: PHÚ-CƯỜNG Thị xã Thủ Dầu Một

Ngày 20 tháng 11 năm 1984
Trưởng Công an: Thị xã Thủ Dầu Một
(Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Lê-văn-Cao

Sổ NK 3: 106

NHỮNG NGƯỜI THƯỜNG TRÚ TRONG HỘ

Số thứ tự	HỌ VÀ TÊN	Quan hệ với chủ hộ	Nam hay nữ	Ngày tháng năm sinh	Số giấy CMND	Nghề nghiệp và nơi làm việc	Ngày tháng năm đăng ký nhân khẩu thường trú	Ngày tháng năm và nơi chuyển đi	Tên cán bộ ĐKNK
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	TRẦN-THỊ-LANG	CHỦ HỘ	NỮ	1949	280049285	LÀM RUỘNG	11.09.1982		
2	NGUYỄN-VĂN-NIÊN	CHỒNG	NAM	1946	280379011		11.09.1982		
3	NGUYỄN-THỊ-MỸ-NGỌC	CON	NỮ	1970	280422747	HỌC SINH	11.09.1982		
4	NGUYỄN-THỊ-THUỶ-LINH	CON	NỮ	1973	280578782		11.09.1982		

THAY ĐỔI CHỖ Ở CẢ HỘ

Chứng nhận đã chuyển đến ở : .... Từ ngày .... tháng ..... năm ..... Ký tên, đóng dấu	Chứng nhận đã chuyển đến ở : .... Từ ngày ..... tháng ..... năm ..... Ký tên, đóng dấu
Chứng nhận đã chuyển đến ở : .... Từ ngày .... tháng ..... năm ..... Ký tên, đóng dấu	Chứng nhận đã chuyển đến ở : .... Từ ngày ..... tháng ..... năm ..... Ký tên, đóng dấu

NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC

NK 4

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ

TỈNH SÔNG BÉ

Số : 000100 CN

Họ và tên chủ hộ : TRẦN-THỊ-LANG

Ấp, ngõ, số nhà : 220 A TỔ 3 KHU 01

Thị trấn, đường phố : .....

Xã, phường : PHÚ-CƯỜNG Thị xã Thủ Dầu Một

Ngày 20 tháng 11 năm 1984
Trưởng Công an Thị xã Thủ Dầu Một
(Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Lê-văn-Cao

Sổ NK 3 : 106

NHỮNG NGƯỜI THƯỜNG TRÚ TRONG HỘ

Số thứ tự	HỌ VÀ TÊN	Quan hệ với chủ hộ	Nam hay nữ	Ngày tháng năm sinh	Số giấy CMND	Nghề nghiệp và nơi làm việc	Ngày tháng năm đăng ký nhân khẩu thường trú	Ngày tháng năm và nơi chuyển đi	Tên cán bộ ĐKNK
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	TRẦN-THỊ-LANG	CHỦ HỘ	NỮ	1949	280019285	LÀM RUỘNG	11.09.1982		
2	NGUYỄN-VĂN-NIÊN	CHỒNG	NAM	1946	280379011		11.09.1982		
3	NGUYỄN-THỊ-MỸ-NGỌC	CON	NỮ	1970	280422747	HỌC SINH	11.09.1982		
4	NGUYỄN-THỊ-THUỶ-LINH	CON	NỮ	1973	280570782		11.09.1982		

Phú riềng - Sông Bé - Việt nam. 23-02-1989

Kính thăm chị

Tôi và gia đình xin có lời kính thăm chị được mạnh khỏe và hạnh phúc trong năm mới -

Tôi đã gửi hồ sơ ODP qua Thái lan vào năm 1983 và sau đó tôi cũng đã gửi hồ sơ ra Hà nội và Mỹ vào năm 1987 nhưng chẳng thấy hồi âm chi cả.

Nay tôi viết thư này cho chị xin nhờ chị nhận làm sponsor của tôi, cho tôi xin được nhập hồi của chị, nếu có gì nhờ chị và hỏi giúp đỡ giùm tôi. Nếu có phái đi quỹ ở ngân hàng xin hỏi giúp đỡ giùm và sau đó nếu qua được mỹ tôi xin hoàn lại.

Nay tôi viết thư này kèm theo luôn hồ sơ của tôi và gia đình xin nhờ chị và hỏi giúp đỡ cho tôi xin được cấp lại, và nếu được cấp xin nhờ chị và hỏi chuyển về Việt nam giúp tôi theo địa chỉ

NGUYỄN VĂN NIÊN
220A Yersin - Phú riềng
Thị xã Thủ dầu một - SÔNG BÉ - VIỆT NAM

Một lần nữa xin nhờ chị và hỏi giúp đỡ giùm. Chúc chị được nhiều sức khỏe và hỏi được ngày càng phát triển vững mạnh để giúp đỡ chúng tôi

Trong tin chị và hỏi rất nhiều

Nguyễn văn Niên.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 280379011

Họ tên NGUYỄN VĂN NIÊN

Sinh ngày 11-12-1946

Nguyên quán Rạch Giá

Nơi thường trú Phú Cường
TX. Thủ Dầu Một, Sông Bé

Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Thiên Chúa

NGÓN TRỎ TRÁI

NGÓN TRỎ PHẢI

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH

Sẹo thẳng D1,5cm, C2cm dưới sau đầu mặt phải

Ngày 23 tháng 06 năm 1983

GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN

Trần Chí Khiêm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 280379011

Họ tên NGUYỄN VĂN NIÊN

Sinh ngày 11-12-1946

Nguyên quán Rạch Giá

Nơi thường trú Phú Cường
TX. Thủ Dầu Một, Sông Bé

Dân tộc: Kinh

Tôn giáo: Thiên Chúa

NGÓN TRỎ TRÁI

NGÓN TRỎ PHẢI

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH

Sẹo thẳng D1, 5cm, C2cm
dưới sau đầu mắt phải

Ngày 23 tháng 06 năm 1983

GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN

Trần Thị Thanh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 280422747

Họ tên NGUYỄN THỊ MỸ NGỌC

Sinh ngày 16-03-1970

Nguyên quán Rạch Giá

Nơi thường trú Phú Cường
T.X Thủ Dầu Một Sông Bé

Dân tộc: kinh ..Tôn giáo :. ThiênChúa

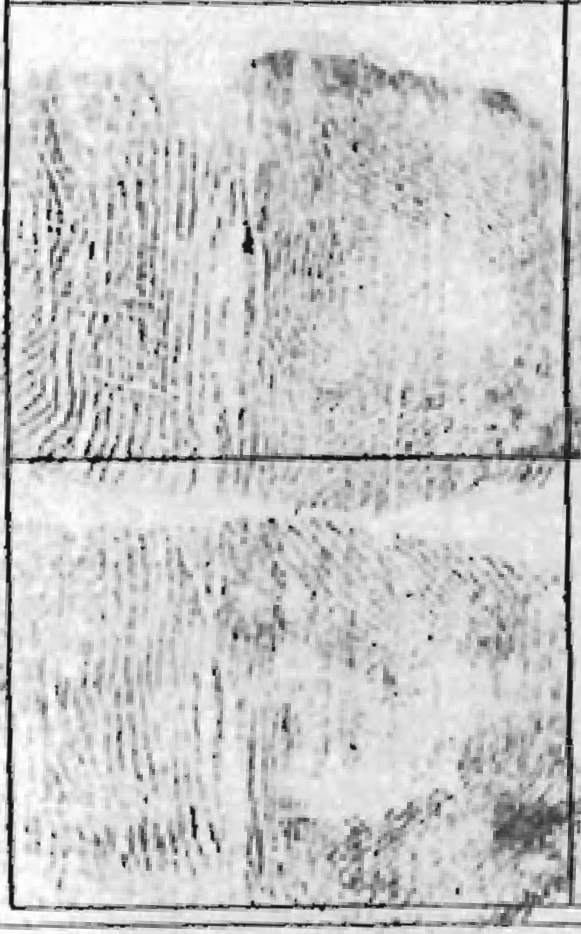

NGÓN TRỎ TRÁI

NGÓN TRỎ PHẢI

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH

Sẹo chấm C 1,6cm
trên sáu mép phải

Ngày 04 tháng 02 năm 1985

KT/GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN

Trần Quang Minh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 280422747

Họ tên NGUYỄN THỊ MỸ NGỌC

Sinh ngày 16-03-1970

Nguyên quán Rạch Giá

Nơi thường trú Phú Cường
T.X Thủ Dầu Một Sông Bé

Dân tộc: kinh Tôn giáo: ThiênChúa

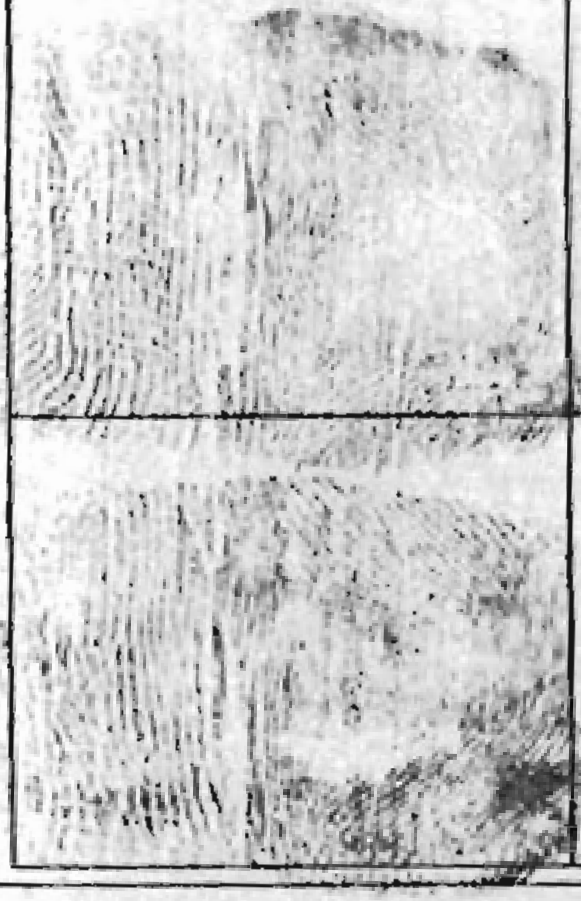

NGÓN TRỎ TRÁI

NGÓN TRỎ PHẢI

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH

Sẹo chấm C 1,6cm
trên sáu mép phải

Ngày 19 tháng 02 năm 1985

KT. GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN

CÔNG AN TỈNH SÔNG BÉ

Trần Quang Minh

Công an

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY BIÊN NHẬN

Số: 000000078Q

Họ tên: [illegible]

Tên thường gọi: [illegible] 1993

Nơi thường trú: [illegible]

Dấu vết riêng hoặc dị hình: Sẹo chấm đen đầu mày phải

Đã làm thủ tục xin cấp giấy chứng minh nhân dân tại : Công an Thành phố Hà Nội

Hẹn đến ngày 18/7/19 trả giấy CMND.

Ngón trỏ trái

Ngày 18/7/19

(Ghi rõ họ tên, người ký)

Công An

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY BIÊN NHẬN

Số: 000300782

Họ tên: Lê Thị Hường Linh

Tên thường gọi: 1993

Nơi thường trú: Đắk Lắk

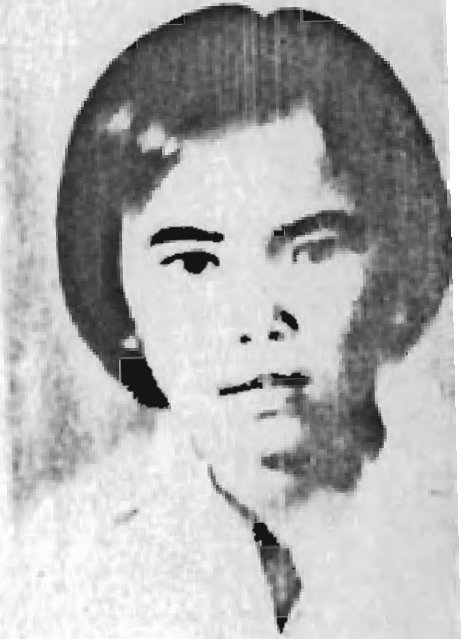

Dấu vết riêng hoặc dị hình .....

.....

.....

Đã làm thủ tục xin cấp giấy chứng minh nhân dân tại : .....

Hẹn đến ngày ...../...../19..... trả giấy CMND

Ngón trỏ trái

Ngày ...../...../19.....

(Ghi rõ họ tên, người ký)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 280045288

Họ tên TRẦN-THỊ-LANG

Sinh ngày 18-05-1949

Nguyên quán Phú-Cường
Châu-Thành Bình-Dương

Nơi thường trú Phú-Cường
Thủ-Dầu-Một Sông-Bé

Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Phật

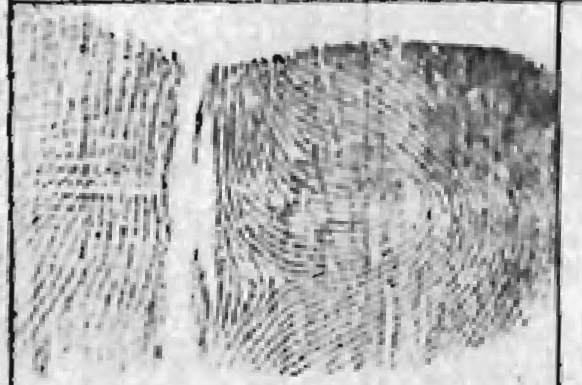

NGÓN TRỎ TRÁI

NGÓN TRỎ PHẢI

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH

-Sẹo tròn 0,8cm cách 2cm dưới sau đuôi mắt phải.-

Ngày 11 tháng 05 năm 1978

KT/GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN

PHÓ TRƯỞNG TY

Trần Văn Kính

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 280049288

Họ tên TRẦN-THỊ-LANG

Sinh ngày 18-05-1949

Nguyên quán Phú-Cường
Châu-Thành Bình-Dương

Nơi thường trú Phú-Cường
Thủ-Dầu-Một Sông-Bé

Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Phật

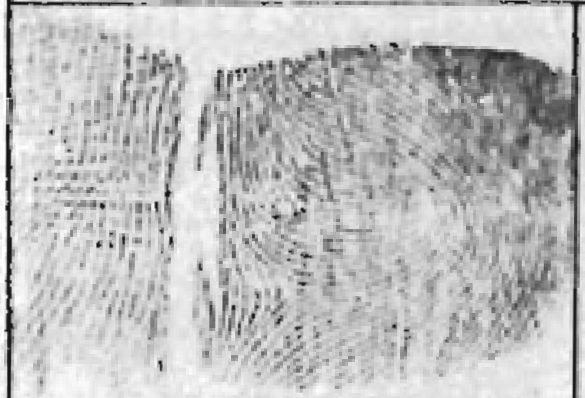

NGÓN TRỎ TRÁI

NGÓN TRỎ PHẢI

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH

-Sẹo tròn 0,8cm cách 2cm dưới sau đuôi mắt phải.-

Ngày 11 tháng 05 năm 1978

KT/GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN

PHÓ TRƯỞNG TY

Trần Đức Thắng

GIẤY PHÉP KẾT HÔN

(Huấn thị 650 - 401 ngày 01.9.67)

PHẦN I : ĐƠN XIN KẾT HÔN

1 - Họ tên quân nhân xin kết hôn :	2- Cấp bậc:	3- Số quân :
NGUYỄN VĂN NIÊN	: Chuẩn-Úy	: 66/503.381

4- Ngày sinh :	5-Gia cảnh	6-Thành phần QLVNCH	7- Đơn vị
11.12.1.946	Độc thân	: CLQ /x/ ĐPQ /___/	: Chi-Đoàn 2 Thiết-Đoàn 1 Kỵ Binh

8- Họ tên vị hôn thê(Hoặc chồn phu):	9- Nghề nghiệp :
TRẦN THỊ LANG	: Học sinh

10- Ngày sinh :	11- Gia cảnh	12- Địa chỉ :
18.05.1949	Độc thân	: 266/5 Đường Bác sĩ YERSIN Bình-Dương

13- Họ tên cha vị hôn thê(Hoặc hôn phu):	14-Họ tên mẹ vị hôn thê(hoặc hôn phu)
TRẦN VĂN MÃO	: NGUYỄN THỊ BA

15- CAM KẾT: Tôi xin cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trong trường hợp người phối ngẫu của Tôi là cô TRẦN THỊ LANG trong thời gian chung sống với tôi có những hoạt động phương hại đến nền an ninh Quốc Gia hay hành những nghề có thể làm tổnthương đến danh dự của QLVNCH.
(Điều 191 Sắc luật số 13/CT/LĐQGQL/SL ngày 20.10.64 bắt buộc vợ người quân nhân phải bỏ nghề của mình nếu nghề đó xét có phương hại cho thanh danh của Quân-Đội)

16- Làm tại K.B.C:4.956 ngày 02.02.1969 : 18- Chữ ký của quân nhân xin kết hôn:
(Đương sự ký tên)

17- Nơi nhận CHT : K.B.C:4.002/TQT :

PHẦN II: QUYẾT ĐỊNH CỦA GIỚI CHỨC CÓ THẨM QUYỀN

19- Giấy phép kết hôn số : 3409/TTM/TQT/NSV/HTP:K.B.C: 4.002 ngày 14.03.69

20- QUYẾT ĐỊNH CỦA CẤP CHỈ HUY HỮU QUYỀN :
Chấp thuận đơn xin trên đây và lưu ý quân nhân được cấp phép kết hôn:
- Giấy phép kết hôn này chỉ có giá trị trong phạm vi QLVNCH
-Ngoài những hình phạt về quân kỷ,quân nhân còn có thể bị truy tố trước pháp luật nếu vi phạm luật gia đình (Sắc luật số : 15/64 ngày 23.07.64)

21- Cấp bậc,họ tên chức vụ và chữ ký của giới chức cấp phép kết hôn :

TL. Đại Tướng CAO VĂN VIỄN
Tổng Tham mưu trưởng QLVNCH
TL. Thiếu Tướng TRẦN THANH PHONG
Tham mưu Trưởng Liên quân
Phó Thiếu Tướng NGUYỄN VĂN TRỌNG
Tham mưu phó Nhân viên
(Ký tên và Đóng dấu)

NƠI NHẬN :

/SAO Y BẢN CHÁNH/

K.B.C 4.956, ngày 25 tháng 04 năm 1.969

Thượng Tá TRẦN VĂN TY
Tiểu Đoàn Trưởng
Thiết Đoàn 1 Kỵ Binh.

VIỆT NAM CỘNG HÒA.
QUÂN LỰC VIỆT NAM CỘNG HÒA.
QUÂN ĐOÀN III.
SƯ ĐOÀN 5 BỘ BINH
THIẾT ĐOÀN 1 KỴ BINH.

GIẤY PHÉP KẾT HÔN

(Huấn thị 650 - 4OI ngày OI.9.67)

PHẦN I : ĐƠN XIN KẾT HÔN

1 - Họ tên quân nhân xin kết hôn :	2- Cấp bậc:	3- Số quân :
NGUYỄN VĂN NIỀN	Chuẩn-Úy	66/503.381

4- Ngày sinh :	5-Gia cảnh :	6-Thành phần QLVNCH :	7- Đơn vị :
11.12.1946	Độc thân :	CLQ /x/ ĐPQ /___/	Chi-Đoàn 2 Thiết-Đoàn 1 Kỵ Binh

8- Họ tên vị hôn thê(Hoặc hôn phu):	9- Nghề nghiệp :
TRẦN THỊ LANG	Học sinh

10- Ngày sinh :	11- Gia cảnh :	12- Địa chỉ :
18.05.1949	Độc thân :	266/5 Đường Bác sĩ YERSIN Bình-Dương

13- Họ tên cha vị hôn thê(Hoặc hôn phu):	14- Họ tên mẹ vị hôn thê(hoặc hôn phu)
TRẦN VĂN MÃO	NGUYỄN THỊ BA

15- CAM KẾT: Tôi xin cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trong trường hợp người phối ngẫu của Tôi là cô TRẦN THỊ LANG trong thời gian chung sống với tôi có những hoạt động phương hại đến nền an ninh Quốc Gia hay hành những nghề có thể làm tổnthương đến danh dự của QLVNCH.
(Điều 191 Sắc luật số 13/CT/LĐQGQL/SL ngày 20.10.64 bắt buộc vợ người quân nhân phải bỏ nghề của mình nếu nghề đó xét có phương hại cho thanh danh của Quân-Đội)

16- Làm tại K.B.C:4.956ngày 02.02.1969: 18- Chữ ký của quân nhân xin kết hôn:
(Đương sự ký ten)

17- Nơi nhận CHT : K.B.C:4.002/TQT :

PHẦN II: QUYẾT ĐỊNH CỦA GIỚI CHỨC CÓ THẨM QUYỀN

19- Giấy phép kết hôn số : 3109/TTH/TQT/HSV/HTP: K.B.C: 4.002 ngày 14.03.69

20- QUYẾT ĐỊNH CỦA CẤP CHỈ HUY HỮU QUYỀN :
Chấp thuận đơn xin trên đây và lưu ý quân nhân được cấp phép kết hôn:
- Giấy phép kết hôn này chỉ có giá trị trong phạm vi QLVNCH
-Ngoài những hình phạt về quân kỷ,quân phạn còn có thể bị truy tố trước pháp luật nếu vi phạm luật gia đình (Sắc luật số : 15/64 ngày 23.07.64)

21- Cấp bậc,họ tên chức vụ và chữ ký của giới chức cấp phép kết hôn :

NƠI NHẬN :

TL. đại Tướng CAO VĂN VIỄN
Tổng Tham mưu trưởng QLVNCH
TL. Thiếu Tướng TRẦN THANH PHONG
Tư Lệnh Trưởng Lực lượng
Phó Tư Lệnh Trưởng QUÂN KHU TRUNG
Thẩm Quyền Phó Thẩm Viện
(ký ten và đóng dấu)

/S O Y BẢN CHÁNH /
K.B.C. 4.956, ngày 25 tháng 04 năm 1.969
Trung Tá TRẦN VĂN IY
Tiểu Đoàn Trưởng
Tiểu Đoàn 1 Kỵ Binh.

VIỆT NAM CỘNG HÒA.
QUÂN LỰC VIỆT NAM CỘNG HÒA.
QUÂN ĐOÀN III.
SƯ ĐOÀN 5 BỘ BINH
THIẾT ĐOÀN 1 KỴ BINH.

BÌNH-DƯƠNG

Quận Châu-Thành

Xã Phú-Cường

Số năm 1308

NTH.6

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

Lập ngày 13 tháng 04 năm 1973

MIỄN - PHÍ
Quản nhai

Tên họ đứa trẻ . . .	Nguyễn thị Thùy Linh
Con trai hay con gái .	Nữ
Ngày sanh	Ngày mười hai tháng tư, năm một ngàn chín trăm bảy mươi ba.
Nơi sanh	Phú-Cường
Tên họ người cha .	Nguyễn văn Kiên
Tên họ người mẹ .	Trần thị Lang
Vợ chánh hay không có hôn thú	Chánh, hôn thú số 124 lập tại Phú-Cường
Tên họ người đứng khai .	Nguyễn thị Anh

MIỄN THỊ-THỰC
THÔNG TƯ SỐ 4386-BNV/HC/29

TRÍCH-LỤC Y BẢN CHÁNH

Phú-Cường, ngày 19 tháng 08 năm 1973

Xã-Trưởng kiêm Ủy-Viên Hộ-Tịch,

ỦY BAN HÀNH CHÁNH XÃ PHÚ CƯỜNG

LÊ-VĂN-NÊN

Xã-Trưởng Kiêm Hộ Tịch

NTH.6

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

lập ngày 13 tháng 04 năm 1973

Tên họ đứa trẻ . . .	Nguyễn thị Thùy Linh
Con trai hay con gái .	Nữ
Ngày sanh	Ngày mười hai tháng tư, năm một ngàn chín trăm bảy mươi ba.
Nơi sanh	Phú-Cường
Tên họ người cha .	Nguyễn văn Niên
Tên họ người mẹ .	Trần thị Lang
Vợ chánh hay không có hôn thú	Chánh, hôn thú số 124 lập tại Phú-cường
Tên họ người đứng khai .	Nguyễn thị Anh

MIỄN - PHÍ
Quân nhân

MIỄN THỊ-THỰC
THEO TT SỐ 4386-BNV/HC/29

TRÍCH-LỤC Y BẢN CHÁNH

Phú-Cường, ngày 19 tháng 08 năm 1973

Xã-Trưởng kiêm Ủy-Viên Hộ-Tịch,

ỦY BAN HÀNH CHÁNH XÃ PHÚ CƯỜNG

LÊ-VĂN-NÊN
Xã-Trưởng kiêm Hộ-Tịch

VIỆT-NAM CỘNG-HOÀ
République du Việt-Nam

BỘ TƯ-PHÁP
Département de la Justice

SỞ TƯ-PHÁP NAM-PHẦN
Service Judiciaire du Sud-Vêtnam

TvT/5b.16

PHÒNG LỤC-SỰ TOÀ KIÊNGIANG

(GREFFE DU TRIBUNAL DE _____)

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH Làng Vĩnh-Thanh-Vân

(Extrait du registre des actes de naissance)

Tỉnh KIÊNGIANG (NAM-PHẦN)
(Sud-Viêtnam)

NĂM 1946 (Année) SỐ HIỆU 437 (Acte N°)

Tên, họ đứa con nít (Nom et prénom de l'enfant)	Do án văn số : 636 đề ngày 5/6/1962, đong trước-bạ tại Rachgia ngày 15/6/1962.
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	Toà Hoà-Giải Rộng-Quyền Kiêngiang tuyên-án như sau :
Sanh ngày nào (Date de naissance)	Phán rằng : NGUYỄN-VĂN-NIÊN, nam, sinh ngày 11/12/1946 tại làng Vĩnh-Thanh-Vân (Kiêngiang), con của Nguyễn văn-Hiến và Phạm-thị-Điệp.
Sanh tại chỗ nào. (Lieu de naissance)	Chứng nhận cho Nguyễn-văn-Hiến và Phạm-thị-Điệp nhìn trẻ kể trên là con.
Tên họ cha (Nom et prénom du père)	Phán rằng : án này thế-vì khai sinh cho Nguyễn-văn-Niên./-
Cha làm nghề gì (Sa profession)	Nay lược ghi :
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Kiêngiang, ngày 13/3/1963
Tên, họ mẹ. (Nom et prénom de la mère)	Chánh Lục-sự,
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	Ký tên: đọc không được
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	
Vợ chánh hay vợ thứ (Son rang de femme mariée)	

Chúng tôi, Huỳnh-Trung-Chánh
(Nous)
Chánh-án Toà KIÊNGIANG
(Président du Tribunal)
chứng cho hợp-pháp chữ ký tên của
(Certifions l'authenticité de la signature de)
Ông Nguyễn-văn-Bình
(M.)
Chánh Lục-sự Toà-án sở tại.
(Greffier en chef du dit tribunal).

Kiêngiang, ngày 6/4/1967
CHÁNH-ÁN,
(LE PRESIDENT),

CHÁNH-ÁN

Giá tiền : 00
(Coût)
Biên-lai số: 4498
(Quittance N°)

Trích y bổn chánh,
(Pour extrait conforme),

Kiêngiang, ngày 6/4/1967
CHÁNH LỤC-SỰ,
(LE GREFFIER EN CHEF),

CHÁNH-LỤC-SỰ

VIỆT-NAM CỘNG-HOÀ
République du Việt-Nam

BỘ TƯ-PHÁP
Département de la Justice

SỞ TƯ-PHÁP NAM-PHẦN
Service Judiciaire du Sud-Vietnam

TvT/5b.16

PHÒNG LỤC-SỰ TOÀ KIÊNGIANG

(GREFFE DU TRIBUNAL DE .....)

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH Làng Vĩnh-Thạnh-Vân

(Extrait du registre des actes de naissance)

Tỉnh KIÊNGIANG (NAM-PHẦN)
(Sud-Việtnam)

NĂM 1946 (Année) SỐ HIỆU 437 (Acte No)

Tên, họ đứa con nít (Nom et prénom de l'enfant)	Do án văn số : 636 đề ngày 5/6/1962, đong trước-bạ tại Rạchgia ngày 15/6/1962.
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	Toà Hoà-Giải Rộng-Quyền Kiêngiang tuyên-án như sau :
Sanh ngày nào (Date de naissance)	Phan rằng : NGUYỄN-VĂN-NIÊN, nam, sinh ngày 11/12/1946 tại làng Vĩnh-Thạnh-Vân (Kiêngiang), con của Nguyễn văn-Hiền và Phạm-thị-Điệp.
Sanh tại chỗ nào. (Lieu de naissance)	Chứng nhận cho Nguyễn-văn-Hiền và Phạm-thị-Điệp nhìn trẻ kể trên là con.
Tên họ cha (Nom et prénom du père)	Phan rằng : án này thế-vì khai sinh cho Nguyễn-văn-Niên./-
Cha làm nghề gì (Sa profession)	Nay lược ghi :
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Kiêngiang, ngày 13/3/1963
Tên, họ mẹ. (Nom et prénom de la mère)	Chánh Lục-sự,
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	Ký tên: đọc không được
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	
Vợ chánh hay vợ thứ (Son rang de femme mariée)	

Chúng tôi, Huỳnh-Trung-Chánh
(Nous)
Chánh-án Toà KIÊNGIANG
(Président du Tribunal)
chứng cho hợp-pháp chữ ký tên của
(Certifions l'authenticité de la signature de)
Ông Nguyễn-văn-Bình
(M.)
Chánh Lục-sự Toà-án sở tại.
(Greffier en chef du dit tribunal).

Kiêngiang, ngày 6/4/1967
CHÁNH-ÁN,
(LE PRÉSIDENT),

CHÁNH-ÁN

Giá tiền : 00
(Coût)
Biên-lai số : 4498
(Quittance No)

Trích y bổn chánh,
(Pour extrait conforme),

Kiêngiang, ngày 6/4/1967
CHÁNH LỤC-SỰ,
(LE GREFFIER EN CHEF),

CHÁNH LỤC-SỰ

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH BÌNH-DƯƠNG

XÃ Phú cường

BỔN TRÍCH LỤC
BỘ KHAI-SANH

Năm 1970 Số hiệu 868

Tên, họ ấu nhi	Nguyễn thị Mỹ Ngọc
Phái	Nữ
Sanh (ngày, tháng, năm)	Ngày mười sáu tháng ba năm một ngàn chín trăm bảy mươi-
Tại	Phú cường
Cha (Tên, họ)	Nguyễn văn Niên
Nghề	Quân nhân
Cư trú tại	KBC: 4956
Mẹ (Tên, họ)	Trần thị Lang
Nghề	Nội trợ
Cư trú tại	Bình Dương
Vợ (Chánh hay thứ)	Chánh, hôn thú số 124 lập tại Phú cường

Chứng thật chữ ký bên dây là của Ông Chủ-Tịch
kiêm Ủy-viên Hộ-tịch Xã Phú cường
Bình Dương ngày 23 tháng 03 năm 1970
T. QUẬN TRƯỞNG,

Trích y bổn chánh :
Phú cường, ngày 23 tháng 03 năm 1970
CHỦ TỊCH kiêm ỦY VIÊN HỘ TỊCH,

LÊ VĂN SÂM

PHÚ CƯỜNG

Ủy viên Hộ Tịch

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH BÌNH-DƯƠNG

XÃ Phú cường

BỔN TRÍCH LỤC
BỘ KHAI-SANH

Năm 1970 Số hiệu 868

Tên, họ ấu nhi	Nguyễn thị Mỹ Ngọc
Phái	Nữ
Sanh (ngày, tháng, năm)	Ngày mười sáu tháng ba năm một ngàn chín trăm bảy mươi-
Tại	Phú cường
Cha (Tên, họ)	Nguyễn văn Niên
Nghề	Quân nhân
Cư trú tại	KBC: 4936
Mẹ (Tên, họ)	Trần thị Lang
Nghề	Nội trợ
Cư trú tại	Bình Dương
Vợ (Chánh hay thứ)	Chánh, hôn thú số 124 lập tại Phú cường

Chứng thật chữ ký bên dây là của Ông Chủ Tịch
kiêm Ủy-viên Hộ-tịch Xã Phú cường
Bình Dương
ngày 23 tháng 03 năm 1970
T. QUẬN TRƯỞNG,

Trích y bổn chánh :
Phú cường, ngày 23 tháng 03 năm 1970
CHỦ TỊCH kiêm ỦY VIÊN HỘ TỊCH,

LÊ VĂN CẦM

PHÓ CHỦ TỊCH

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH BÌNH-DƯƠNG

Hồ-sơ hành-chánh

XÃ PHÚ-CƯỜNG

BỔN TRÍCH LỤC
BỘ KHAI-SANH

Năm 1949

Số hiệu 383

Légitime suivant d'acte de mariage no16 en date du 10 Mars 1950 délivré à Phucường Thudaumot.

Phú cường le 10 mars 1950

Chánh Lục Bộ,

(ký tên)

Tên họ đứa nhỏ	Trần-thị-Lang
	Nữ
Sanh (ngày, tháng, năm)	Le 18 Mai 1949
Tại	Hôpital Thudt
Cha (Tên, họ)	Trần-Văn-Mèo
Nghề	Lính thân binh
Cư trú tại	Phú-cường
Mẹ (Tên, họ)	Nguyễn-thị-Ba
Nghề	Nội-trợ
Cư trú tại	Phú-cường
Vợ (Chánh hay thứ)	Vợ chánh

Chứng thật chữ ký bên dây là của Ông Chủ-Tịch kiêm Ủy-viên Hộ-tịch Xã Phú-Cường

Bình-Dương, ngày 13 tháng 6 năm 1968

T. L. QUẬN-TRƯỞNG,

Phó Quận-Trưởng

LÊ-DANH-ĐÀN

Ấn Giác-Sự

Trích y bổn chánh :

Phú-Cường, ngày 13 tháng 6 năm 1968

CHỦ-TỊCH kiêm ỦY-VIÊN HỘ-TỊCH

NGUYỄN-HỮU

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH BÌNH-DƯƠNG

Hồ-sơ hành-chánh

XÃ PHÚ-CƯỜNG

BỔN TRÍCH LỤC
BỘ KHAI-SANH

Năm 1949

Số hiệu 383

Légitime suivant d'acte de mariage no16 en date du 10 Mars 1950 délivré à Phucường Thudaumot.

Phú cường le 10 mars 1950

Chánh Lục Bộ,

(ký tên)

Tên, họ đứa nhỏ	Trần-thị-Lang
	Nữ
Sanh (ngày, tháng, năm)	Le 18 Mai 1949
Tại	Hôpital Thudt
Cha (Tên, họ)	Trần-Văn-Mèo
Nghề	Lính thân binh
Cư trú tại	Phú-cường
Mẹ (Tên, họ)	Nguyễn-thị-Ba
Nghề	Nội-trợ
Cư trú tại	Phú-cường
Vợ (Chánh hay thứ)	Vợ chánh

Chứng thật chữ ký bên đây là của Ông Chủ-Tịch kiêm Ủy-viên Hộ-tịch Xã Phú-Cường

Bình-Dương, ngày 13 tháng 6 năm 1968

T. L. QUẬN-TRƯỞNG,

Phó Quận-Trưởng

LÊ-DANH-ĐÀN

Trích y bổn chánh :

Phú-Cường, ngày 13 tháng 6 năm 1968

CHỦ-TỊCH kiêm ỦY-VIÊN HỘ-TỊCH

HÀ-HỮU

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH BÌNH-DƯƠNG

Quận : Châu thành

Xã : Hiệp thành

Số hiệu : 14

TRÍCH-LỤC

CHỨNG-THƯ HÔN-THÚ

Tên họ người chồng Nguyễn văn Kiên

nghề-nghiệp Quân nhân

sanh ngày mười một tháng mười hai năm một ngàn chín trăm bốn mươi sáu

tại Vĩnh thanh Vân

cư-sở tại Kiến Hòa

tạm-trú tại KBC 4050

Tên họ cha chồng Nguyễn văn Tiên (sống)
(Sống chết phải nói)

Tên họ mẹ chồng Phạm thị Kiệp (sống)
(Sống chết phải nói)

Tên họ người vợ Trần thị Lang

nghề-nghiệp Nội trợ

sanh ngày mười tám tháng tám năm một ngàn chín trăm bốn mươi chín

tại Phú-Cường

cư-sở tại Phú-Cường

tạm-trú tại //

Tên họ cha vợ Trần văn Hảo (sống)
(Sống chết phải nói)

Tên họ mẹ vợ Nguyễn thị Ba (sống)
(Sống chết phải nói)

— Ngày cưới ~~ngày hai mươi tháng sáu năm một ngàn chín~~ trăm sáu mươi chín

— Vợ chồng khai có hay không lập hôn-khế // //

ngày // tháng // năm //

tại //

Kiến thị để hợp pháp hóa chữ Ký
của Ủy-viên Hộ-tịch xã Hiệp Thành
Quận trưởng Châu thành

Trích y bổn chánh

Hiệp Thành, ngày 14 tháng 6 năm 1967

ỦY BAN HÀNH CHÁNH XÃ PHÚ CƯỜNG

VIÊN-CHỨC HỘ-TỊCH,

NGUYỄN-THỊ-HẢI

Ủy-viên Hộ-Tịch

Họp ngày 22-12-23 -

1* Công bố bão -
2* Sơ tán tàu thuyền ra khỏi khu vực nguy hiểm -
3* Cấm tàu xa bờ -
4* Thông báo cho Phòng Kinh tế, Chính quyền xã -
5* Trực ban 24/24 có 1 đồng chí Ban chỉ huy -
Ca sáng 7g30 - 11g30 -
Ca chiều 13g30 - 17g30 -
6* Thông tin liên lạc thông suốt 24/24 -

TTHL/PK - 4654

1 ngày mưa, hoặc thời gian
1 ngày không thể đi
ngày (không tính ngày
ngày đi về)
ngày làm việc
ngày làm việc
(làm đêm)

Đ/c Lâm Văn Thọ
Nguyễn Thị Ngọc
ĐT: 0174203574
Tuần thứ 1/2
Bình Thủy Thị Thành phố
Cần Thơ

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH BÌNH-DƯƠNG

Quận : Thủ Thừa

Xã : Thủ Đường

Số hiệu : 14

TRÍCH-LỤC

CHỨNG-THƯ HÔN-THÚ

Tên họ người chồng Nguyễn văn Tiên

nghề-nghiệp Quân nhân

sanh ngày mười một tháng mười hai năm một ngàn chín trăm bốn mươi sáu

tại Vĩnh thạnh Vân

cư-sở tại Kiên Giang

tạm-trú tại Bộ 1958

Tên họ cha chồng Nguyễn văn Tiên (sống)
(Sống chết phải nói)

Tên họ mẹ chồng Phạm thị Hiệp (sống)
(Sống chết phải nói)

Tên họ người vợ Trần thị Lang

nghề-nghiệp Nội trợ

sanh ngày mười tám tháng năm năm một ngàn chín trăm bốn mươi chín

tại Thủ-Đường

cư-sở tại Thủ-Đường

tạm-trú tại //

Tên họ cha vợ Trần văn Bảo (sống)
(Sống chết phải nói)

Tên họ mẹ vợ Nguyễn thị Ba (sống)
(Sống chết phải nói)

— Ngày cưới Ngày hai mươi tháng sáu năm một ngàn chín trăm sáu mươi chín

— Vợ chồng khai có hay không lập hôn-ki ? //

ngày // tháng // năm //

tại //

Kiến thị để hợp pháp hóa chữ Ký

của ... xã Thủ Đường

ngày ... tháng ... năm 1969

Quận trưởng Châu Thành

Trích y bổn chánh

Thủ Đường, ngày 24 tháng 6 năm 1969

VIÊN-CHỨC HỘ-TỊCH,

Nguyễn-thị-Hạ

Ủy-viên Hộ-Tịch

Họp ngày 22-12-83 -

1* Cảng liên hệ -
2* Lenovo có lái *, mất đồ chứng - Sửa chữa
3* Cảnh tài xế liên hệ -
4* Thuận tuyến Phương Giang và Chợ Chiếc Kè -
5* Toàn đi Lục có 1 chuyến xuống bến cho hàng
bình Điền 19g30 - Chuyến 1g30 -
6* Luân đi thay Luân ngày thứ 3 Lấy tiền -

TTHL/PK_4654

1 ngàn mười hàng thẻ xe
1 ngàn khen thưởng Chạy ca
ngàn (đến chưa xuất)
1 ngàn hàng vào kho
ngàn hàng vào kho
(Lấy tiền)

Đi tắm cẩn thận

Nguyễn thị Ngọc
cc số 017205574 -
Trần thị Hợi
Bình Thủ Thừa Đức
Cần thơ

NGUYỄN VĂN NIÊN
11_12_1946

TRẦN THỊ LANG
18-05-1949

NGUYỄN THỊ MỸ NGỌC
16-03-1970

NGUYỄN THỊ THUỲ LINH
12_04_1973

NGUYEN VAN NIÊN
220A Yersin - Phú cường
Thị xã Thủ dầu một - SÔNG BÉ
VIỆT NAM

R № 499

VIỆT-NAM 23 11 89 8 9990 BƯU-CHÍNH

VIỆT-NAM 23 11 89 8 5000 BƯU-CHÍNH

AR BÁO NHẬN

MÁY BAY PAR AVION

Kính gởi
Bà KHÚC MINH THÓ
P.O. BOX. 5435
ARLINGTON VA 22205-0635
U.S.A